

Diệu Không thi tập - bản hòa âm giữa đạo vào đời

ISSN: 2734-9195 08:05 27/11/2025

Diệu Không thi tập là những khắc hoạ chân dung tâm hồn của Sư Bà từ khi còn là “Yếu diệu thực nữ” cho đến khi trở thành nhà hoạt động xã hội, hoạt động Phật pháp nổi tiếng, có nhiều đóng góp lớn lao cho các phong trào cách mạng...

Tác giả: **TS.Hà Ngọc Hòa - CN.Nguyễn Thị Thu Hiền (1)**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Sư Bà Diệu Không (1905 - 1997), thế danh là Hồ Thị Hạnh, quê ở làng An Truyền, xã Phú An, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế). Bà sinh ra và lớn lên trong một gia đình danh gia vọng tộc có truyền thống yêu nước. Cha là Quận công Hồ Đắc Trung, mẹ là Quận phu nhân Châu Thị Ngọc Lương. Năm 1932, bà thọ giới Sa di với Hoà thượng Giác Tiên ở tổ đình Trúc Lâm với pháp tự Diệu Không. Và cũng bắt đầu từ đây, bà dốc thân vào con đường hoạt động xã hội, yêu nước. Với tâm niệm: “Đời đời con sẽ theo chân Phật/Cứu khổ trần gian khỏi đoạn trường” (*Phát nguyện đi tu*), bà đã *ngôn hành hợp nhất*, đem ánh sáng từ bi của Phật giáo đi khắp nơi, làm nhiều việc thiết thực, có ý nghĩa lớn lao, không chỉ giới hạn ở thành phố Huế mà còn mở rộng ở cả miền Nam trước và sau ngày thống nhất đất nước năm 1975. Vốn tinh thông chữ Hán, tiếng Pháp, ngoài việc hoạt động xã hội, bà còn tham gia giảng dạy ở các học viện, thiền viện và nghiên cứu viết sách, dịch sách, sáng tác văn, thơ... Theo Ths.Dương Hoàng Lộc trong bài viết “Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không trong phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963” thì “Ngoài việc chuyên tâm nghiên cứu kinh điển, Ni trưởng còn dành thời gian phiên dịch nhiều bộ kinh từ tiếng Hán sang tiếng Việt rất có giá trị: *Thành duy thức luận*, *Du - già sư địa luận*, *Lăng - già tâm ấn*, *Đại trí độ luận*... Sư Bà còn để lại nhiều bài thơ có giá trị trong việc đề cao vai trò người phụ nữ, nhấn mạnh đạo lý Á Đông, cổ vũ tinh thần dân tộc cũng như sự vi diệu, nhiệm mầu của Phật pháp” [9,137,138].



Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không (ảnh: Internet).

Thơ văn của Sư Bà Diệu Không để lại cho hậu thế không nhiều, hầu như chỉ có hai tác phẩm: *Diệu Không thi tập* và hồi ký *Đường thiền sen nở* nhưng lại là những tác phẩm có giá trị về mặt văn học, lịch sử. Thông qua chân dung của một tâm hồn, người đọc bao thế hệ có thể cảm nhận được lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất, sẵn sàng hy sinh tính mạng của Phật tử miền Nam qua các giai đoạn lịch sử vì hoà bình, độc lập, tự do của đất nước: “Kháng chiến lo cứu nước, mình là Phật giáo còn phải hoạt động cứu dân. Không những cứu bớt đổ máu, cứu những đổ nát mà còn phải cứu thoát ra khỏi sự sợ hãi để hướng thống nhất hoà bình an lạc” (Tâm Hằng NĐX. *Sư Bà Diệu Không một kỳ nữ của cố đô Huế thế kỷ XX*) [9, 121]. Để làm sáng rõ sự hoà quyện giữa đạo và đời trong sáng tác của Sư Bà Diệu Không, trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi cố gắng tìm hiểu *Diệu Không thi tập* qua hai nội dung chính yếu: 1/ *Những nghĩ suy*

về thế sự, nhân sinh. 2/ Ước vọng đưa Phật giáo vào đời sống thế tục.

2. Nội dung

2.1 Những nghĩ suy về thế sự, nhân sinh

Diệu Không thi tập [5] có tổng cộng 241 đơn vị (thơ quốc ngữ: 188 bài; thơ chữ Hán: 32 bài; thơ dịch: 11 bài; câu đối: 10 câu) được sáng tác trong quãng thời gian hơn 60 năm (Nếu xem bài thơ *Hoài cảm* sáng tác năm 1923 là bài thơ đầu tiên và *Tặng Ni sư Diệu Quang, Kỷ niệm ngày chúc thọ, Nhấn bàn trần thế, Tiễn thầy Đức Tâm, Chúc tết* sáng tác năm 1988 là những sáng tác cuối cùng) gắn liền với cuộc đời của Sư Bà từ khi còn là Quận chúa *lá ngọc cành vàng* cho đến những năm tháng già từ cuộc sống nhung lụa nơi *lầu son gác tía* để vào chốn thiền môn thực hành Phật sự giúp đạo, giúp đời. Do lớn lên trong buổi giao thời của đất nước, nên thơ ca của Sư Bà cũng như sáng tác của các nhà thơ cùng thời vừa tiếp thu những yếu tố mới, tích cực của văn hoá phương Tây nhưng đồng thời cũng vừa cố gắng bảo lưu những giá trị mang tính truyền thống của văn hoá phương Đông.

Vì thế, không ai ngạc nhiên khi trong *Diệu Không thi tập* vẫn chất chứa dấu tích của một thời chưa xa qua hàng loạt bài thơ *cảm hoài, cảm tác, tự thuật, tự thán, tự tình, tức cảnh, vịnh cảnh, ngẫu tác, điệu, tiễn...* Điều đáng quý, đằng sau khuôn khổ áo the khăn đóng của Đường thi ấy không phải là ngôn ngữ hàn lâm, là nghệ thuật điêu trùng tiểu kỹ của tầng lớp trên mà thay vào đấy là những ngôn từ giản dị, trong sáng không kém phần mộc mạc, hướng đến đối tượng tiếp nhận là quần chúng yêu nước, là Phật tử khắp mọi miền:

Bước đường thế sự đành ngơ lắt,

Khuôn khổ từ bi đóng bít bùng.

Lắp bể khuyên ai tròn nguyện ước,

Vá trời lằm kẻ đứng ngời trông.

Gương xưa Trưng Triệu đà treo sáng,

Sau trước sao cho rạng má hồng.

(Gửi bạn ra Bắc)

Theo khảo sát của chúng tôi, phần lớn thơ ca gắn liền với những nỗi niềm về thế sự, nhân sinh đều được sáng tác ở giai đoạn đầu - giai đoạn mà Sư Bà còn lằm

hệ lụy với cuộc đời trần tục. Khác với phường khuê các, đến tuổi cập kê, Sư Bà không bận tâm đến chuyện lập gia đình, chuyện môn đăng hộ đối, mặc dầu lúc nào quanh bà lắm cũng lắm vương tôn công tử ngổ lờ cầu hôn. Có lẽ, do những đặc tính về mặt cấu trúc nhân cách, do những tư tưởng tiến bộ của thời đại và điều quan trọng là do ảnh hưởng truyền thống yêu nước của gia đình mà tự trong sâu thẳm của tâm hồn, bà đã quyết định chọn cho mình một lối đi riêng. Theo hồi ký Đường thiên sen nở thì tuổi thơ êm đềm của bà đã từng chứng kiến người cha yêu quý hết lần này đến lần khác ra sức cứu những chí sĩ yêu nước như Trần Cao Vân, Thái Phiên; tìm cách thoát tội cho vua Duy Tân mà không nề hà đến tính mạng: “Hội đồng nhiếp chính đã giao cho thượng thư Hồ Đắc Trung lập bản án xét xử vua Duy Tân. Cùng vào thời điểm này, hai ông Trần Cao Vân, Thái Phiên đang ở trong khám tử hình đợi ngày ra pháp trường đã bí mật gửi đến tay cụ Hồ Đắc Trung (người đã từng cứu mạng hai ông...) nói rõ ý nguyện của hai ông là họ chịu hết trách nhiệm và chịu chết, chỉ mong cụ Hồ Đắc Trung tìm mọi cách cứu cho được vua Duy Tân thoát tội tử hình. Cụ Hồ Đắc Trung đã làm bản án đổ hết tội cho hai ông Thái, Trần: Vua Duy Tân, với “tuổi đời non trẻ, thiếu kinh nghiệm” đã “vọng thính sàm ngôn, khuynh nguy xã tắc” (Nghe lời dùa nịnh, làm cho xã tắc khuynh nguy)... Với bản án trên, vua Duy Tân thoát chết nhưng bị đày sang đảo Reunion trên Ấn Độ dương... Trong vụ án vua Duy Tân, cụ Hồ Đắc Trung cũng suýt bị vạ lây... bọn Pháp đã thẩm vấn cụ Hồ Đắc Trung nhưng không tìm ra được chứng cứ Cụ có dính líu đến âm mưu khởi nghĩa, buộc chúng phải chấm dứt không truy xét nữa” [4,19,20], đã từng thấy cha mẹ lo lắng, thương xót cho những chí sĩ ở các tỉnh miền Trung vì nước mà vong thân, đã từng đưa tiễn các anh lên đường sang Pháp du học theo ý nguyện của cha để đem kiến thức về phục vụ cho tổ quốc, đồng bào... Tất cả những điều trông thấy ấy lại càng khơi gợi trong bà ý chí dẫn thân, cho dầu con đường phía trước vẫn còn “mờ mờ nhân ảnh” (Nguyễn Gia Thiều): “Thương chốn lâu son thân chịu nép/ Giận vì gác tía mắt không trông/ Ước chi gặp đặng cơn giông tố/ Phá bầy cao bay nhẹ gánh hồng” (*Vịnh chim Bạch yến*). Với tôn chỉ “Làm con thì phải vâng lời mẹ cha” (Tục ngữ), Sư Bà buộc phải bước vào đời sống hôn nhân, gia đình. Đây là cuộc hôn nhân thấm đẫm nước mắt không phải vì tình yêu mà vì sự hy sinh cao cả, vì sáu đứa con thơ dại của người chồng: “đứa lớn mới mười tuổi, đứa bé nhất cũng mới ba tuổi” [4,33] “ngơ ngác như gà mất mẹ” (Thành ngữ) đang cần một chỗ dựa, một mái ấm gia đình: “Đàn con ngơ ngác nhìn theo mẹ/ Lễ đám chơ vợ chỉ mấy thầy/ Một mối tình thương không giới hạn/ Nguyên cùng ai đó dạy con thay” (*Hoài cảm*). Có lẽ chỉ với tấm lòng bao dung, nhân hậu, với tình thương bao la “không giới hạn” mới giúp bà kiên định với sự lựa chọn của mình:

Đám cưới hay là một đám tang,

Cả nhà lớn nhỏ thấy kêu than.

Chồng chung chấp nỗi tình phai lạt,

Vợ kể kè vai gánh đoạn tràng.

Kẻ nói là ngu và dại dột,

Cho mình là trí vẫn bền gan.

Biết chẳng chỉ có người trong cuộc,

Gây mái thuyền từ phải quyết sang.

(Đám cưới)

Câu hỏi tu từ “đám cưới hay đám tang” của chủ thể trữ tình đã mở ra trước mắt người đọc một khung cảnh buồn nhiều hơn vui trong ngày vu quy. Ở đây là sự cộng hưởng của tất cả các cung bậc cảm xúc đau buồn, thương xót, lo âu về tương lai “nghĩ nỗi sau này mà kinh” (Nguyễn Du) của những người thân yêu, ruột thịt. Nhưng – vượt lên trên những lo lắng đoạn trường ấy là sự điềm nhiên, bình thản đến lạ lùng của “người trong cuộc” khi đã “Gây mái thuyền từ phải quyết sang”. Và như đã tiên liệu, cuộc hôn nhân ấy kéo dài không lâu. Chưa đầy một năm hương lửa, người chồng vốn bạo bệnh đã từ giã cuộc đời để lại cho bà đứa con chung mới vài tháng tuổi: “Bơ vợ trước núi chim tìm tổ/ Ngơ ngẩn bên mình trẻ gọi cha/ Cây cỏ như cười người mệnh bạc/ Nom sông nào phụ khác tài hoa” (Đắp mộ). Khác với nữ nhi thường tình, Sư Bà không thống thiết, bi ai, không mượn ngôn từ để chuyển tải “gió thảm mưa sầu” (Nguyễn Du): “Thu về đẹp lúa duyên ngâu/ Năm năm ô thước bắc cầu ngân giang/ Đôi ta ân ái nhờ nhàn/ Giữa đường sinh tử đoạn tràng chia hai/ Anh vui non nước tuyển đài/ Cõi trần hương toả riêng ai lạnh lòng/ Nhân gian khuất nẻo non Bồng/ Trăm năm nào thiếp tấm lòng bơ vơ!” (Tương Phố. *Giọt lệ thu*) [2,350] mà chỉ ao ước lấp bằng bể trầm luân thống khổ, vượt lên trên mọi sinh diệt của kiếp người: “Muốn lên nắm thử quyền “ông tạo”/ Thì biển trầm luân lấp phẳng qua” (Đắp mộ). Khi đã nhận ra được “chân diện mục” của cuộc sống, đem nỗi đau cá nhân hoà chung vào nỗi đau buồn của chúng sinh, *Diệu Không thi tập* ít đề cập đến những chuyện riêng tư, dẫu thấp thoáng đâu đó vẫn là hình ảnh người chồng vẫn sống mà chủ yếu là những suy tư về vận nước dâu bể, về thế sự thăng trầm, là những xót thương cho người chí sĩ, cho cuộc sống lầm than của người dân dưới ách đô hộ của kẻ thù: “Lam Giang sóng cuộn trăm dòng lệ/ Hồng Lĩnh tro vùi vạn mảnh xương/ Ngơ ngẩn luống thương người chí sĩ/ Ngậm ngùi thâm tủi khách tha phương/ Ấy ai tri kỷ cùng non nước/ Gỡ bó cho nhau mối đoạn trường” (*Thấy cảnh tang thương*). Bài thơ như một lời *hiệu triệu* được cất lên từ

cổ lòng xót thương trước thảm cảnh những chí sĩ trong phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh bị kẻ thù phơi thây, bêu đầu; qua đây, mong muốn nhận được sự đồng lòng chung sức của những người cùng chí hướng, nguyện đưa nước nhà qua buổi can qua.

Vì thế, thời gian này, nhận được sự hậu thuẫn của người cha yêu nước, Sư Bà bí mật tham gia cách mạng, tham gia nhiều hoạt động xã hội, nhiều tổ chức đoàn thể, hô hào, vận động, đề cao vai trò của người phụ nữ trong đời sống văn hoá, xã hội... Theo tác giả TKN. Diệu Đạt trong bài viết “Hành trạng Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không” thì: “Năm 1926, Sư Bà thành lập Hội Nữ công dạy cho phụ nữ ngành nghề thủ công, dạy hiểu biết lịch sử, duy trì nòi giống, dạy gánh vác giang sơn. Xã hội tiến bộ bắt nguồn từ gia đình và gia đình văn minh tốt đẹp chính người phụ nữ là nền tảng... Sư Bà cùng với nữ ký giả Đạm Phương tổ chức “Nữ công học hội” ở Thừa Thiên và sau lan rộng ra nhiều tỉnh ở miền Trung.

Sư Bà cho đấu xảo hàng mỹ nghệ do các nữ nghệ nhân Việt Nam sản xuất. Sự thành công của công cuộc này đã sản sinh ra một cửa hàng tên “Nam Hoá” ở Huế lúc bấy giờ” [3]. Rõ ràng, những hoạt động mang tính *khẳng định giới* này không chỉ góp phần đánh thức nữ quyền bao đời ngủ quên “trong giường chiếu hẹp” (Chế Lan Viên) mà còn nhận được sự ủng hộ, tán thành của tầng lớp trí thức yêu nước lúc bấy giờ: “Điểm trang thức cũ pha màu mới/ Liên lạc người trong với kẻ ngoài/ Tuôn bể văn minh ba lớp sóng/ Dội gương khuê tú bốn phương trời/ Năm năm tháng tháng lần lần bước/ Mây mặt non sông há một trai?” (Phan Bội Châu. *Mừng Hội Nữ công*) [10,97]. Có thể thấy, thời gian này, tuy chưa vào chốn thiền môn nhưng ước nguyện nương tựa vào Phật pháp, đem tấm lòng từ bi, hỷ xả nhập thế, “lăn lóc cõi ta bà” đã được Sư Bà thể hiện qua hành động, qua những sáng tác thơ văn. Chính sự hoà quyện giữa thế giới nhiệm mầu với đời sống hiện thực đã làm nên phong cách tự tin, bình thản, luôn tìm ra “khung cửa hẹp” của riêng bà giữa xô bồ, phù hoa hư ảo. Dẫu có luyến tiếc, xót thương cho tình nghĩa phu thê ngắn ngủi: “Mới đó mà nay đã hoá không/ Mỗi tình ân nghĩa trả chưa xong” thì trong thâm tâm vẫn nhẹ nhàng mong ước: “Cầu chàng giải thoát đừng lưu luyến/ Siêu thoát an vui được thoát vòng” (*Ngắm ảnh chồng*). Nếu như tư tưởng Lão - Trang đã đem lại cho các nhà thơ Việt Nam từ trung đại đến hiện đại một cách lý giải về kiếp phù sinh ngắn ngủi đầy ảo mộng: “Ôi nhân sinh là thế ấy/Như bóng đèn, như mây nổi, như gió thổi, như chiêm bao/Ba mươi năm hưởng thụ biết chừng nào/Vừa tỉnh giấc nổi kê chưa chín” (Nguyễn Công Trứ. *Chơi là lão*) [6,74], “Thế sự nhất phù vân chi cảnh (*Việc đời chỉ là áng mây nổi*)/ Những ai mê mà ai tỉnh đã ai ai/ Khéo vô đoan khóc hão lại thương hoài” (Tản Đà. *Hơn nhau một chén rượu đời*) [6, 443] để rồi “thấp đuốc chơi đêm”, đắm chìm trong “yến yến hường hường” (Nguyễn Công Trứ), mong muốn hưởng thụ “Người thời vui sô, lạp, ngư, tiêu/Kẻ thời thích

yên, hà, phong, nguyệt/Kho vô tận những thế nào chưa biết/Thú hữu tình sơn thủy thực là vui” (Dương Khuê. *Hương Sơn phong cảnh*) [6,269]... thì Sư Bà lại có cách cắt nghĩa riêng về nhân sinh, thế sự, lấy tư tưởng Phật giáo làm điểm nhìn tham chiếu để hóa giải mọi vấn đề: “Cái kiếp phù sinh có được gì/Cười khi sum họp khóc chia ly/Công danh phú quý xem như mộng/ Khanh tướng công hầu chẳng sá chi/Học đạo tu tâm, khai trí tuệ/Thương đời luyện tập tánh từ bi” (*Cuộc đời*), “Thấy cuộc thua – hơn đôi nắm đất/Thương đời danh lợi một nổi kê/Vô minh giấc mộng nay đã tỉnh/Ngồi đợi trăng lên gió bốn bề” (*Chơi núi Thiên Thai*). Chính nhờ điểm nhìn tham chiếu ấy mà những nghĩ suy về nhân sinh, thế sự qua các bài thơ “Tặng bà Bố Định”, “Gửi các bà cư sĩ”, “Khuyên người quả phụ”, “Tiễn đưa”, “Tiễn người đi xa”... không bi quan, yếm thế, trái lại – đầy an nhiên, tự tại: “Nếu biết thân tâm đều mộng huyễn/Giữa đời đâu có chuyện tang thương” (*Xuân trả lời*).



Năm 1932, khi những biến cố đau thương dần ngời ngoai theo thời gian, khi “Mùi thiên đã bén muối dưa/ Mùi thiên ăn mặc đã ưa nâu sồng” (Nguyễn Du. *Truyện Kiều*) và nhất là khi thấm thấu những lời dạy của hoà thượng Giác Tiên: “Tình hình nước ta bị đô hộ, họ muốn dân ta quên gốc và biến dân ta thành nô lệ. Nếu bà có tâm, nên lặng lẽ học Phật, tu tâm và dạy người. Có như vậy và nhiều người như vậy mới mong thế hệ sau này lo cho nền độc lập của nước nhà” [4,80], Sư Bà quyết định: “Xin chị vì em nuôi lấy con/ Để em lên núi mới vuông tròn” (*Giao con*), thọ giới Sa di, gắn liền cuộc đời với hoạt động Phật pháp để cứu nước, cứu nhà.

Như vậy, qua những phân tích, dẫn chứng trên, cho thấy những nghĩ suy về thế sự, nhân sinh tuy không chiếm số lượng nhiều trong thi tập nhưng đã khẳng định được những hoài bão, khát vọng vượt thoát nữ nhi thường tình về đất nước,

về dân tộc của Sư Bà. Chính những nghĩ suy này đã tạo tiền đề cho Sư Bà dẫn thân trên con đường hoà nhập giữa đạo và đời.

2.2 Ước vọng đưa Phật giáo vào đời sống thế tục

Khi đã chính thức trở thành đệ tử nơi cửa Phật, Sư Bà tích cực hoạt động Phật pháp, hoạt động xã hội, góp phần tạo thanh thế cho Phật giáo Thừa Thiên Huế, từ đó tiếp tục mở rộng về phương Nam. Theo *Diệu Không hành trạng* thì: “Sau khi thọ giới Sa di ni, Sư bán tư trang và vay mượn thêm để xây cất ni viện đầu tiên cho nữ giới có chỗ tu học, đó là ni viện Diệu Đức. Sư còn góp phần sáng lập và trùng tu nhiều chùa ni và tịnh viện khác tại Thừa Thiên Huế như Diệu Viên, Khải Ân, Hồng Ân,, Kiều Đàm, Định Huệ, Đông Thuyền, Hồng Đức, Liên Trì, Liên Hoa, Bảo Thắng Hội An, Bảo Quang Đà Nẵng, Tịnh Nghiêm Quảng Ngãi, ni viện Diệu Quang Nha Trang. Tại miền Nam, Sư là người góp công thành lập ni trường đầu tiên ở Sa Đéc, ni viện Từ Nghiêm, Dược Sư, Diệu Giác, Diệu Tràng, Diệu Pháp tại Hồ Nai, Long Thành. Sư còn góp công rất nhiều trong việc xây dựng viện đại học Phật giáo đầu tiên của Việt Nam là Đại học Vạn Hạnh... Sư còn góp công đặc lực khai sáng cô nhi viện Tây Lộc Huế và các cô, ký nhi viện trên khắp thành thị thôn quê miền Trung từ 1964 trở đi. Năm 1952, Sư góp phần đặc lực trong việc sáng lập nhà in Liên Hoa để in kinh sách Phật giáo và nguyệt san Liên Hoa...” [8,11,12]. Dẫu những liệt kê chưa thật đầy đủ về hành trạng nhưng đã cho thấy những nỗ lực phi thường của Sư Bà khi “lăn lóc cõi ta bà” theo phát nguyện: “Thức tỉnh người mê vạn nẻo đường/Cõi lòng tràn ngập khối tình thương/ Đời đời con sẽ theo chân Phật/Cứu khổ trần gian khỏi đoạn trường” (*Phát nguyện đi tu*). Điều đáng chú ý, con đường rao giảng, thực hành Phật pháp của Sư Bà luôn gắn liền với tình yêu nước, với lòng nhiệt thành cách mạng, hướng đến độc lập tự do cho tổ quốc:

Tôi đã ra đi với nỗi lòng,

Duy trì mối đạo của cha ông.

Hy sinh thân xác cho dân tộc,

Bất khuất tinh thần giữ núi sông.

Ngoại quốc xâm lăng toan lật đổ,

Nội ma hưởng ứng muốn thành công.

Toàn dân Phật tử nên can đảm,

Ngọn đuốc quang minh gọi chữ “đồng”.

Lời thơ đánh thép, hùng hồn như một tuyên ngôn vừa cảnh báo với kẻ thù xâm lược, với lũ bán nước cầu vinh lại vừa cổ vũ, thúc giục Phật tử trên cả nước đồng tâm hiệp lực vì “mối đạo” yêu nước thương dân của cha ông từ bao đời mà sẵn sàng hy sinh tính mạng. Những năm tháng này, Sư Bà không nề hà, không ngại hiểm nguy để kết nối, giúp đỡ các phong trào, giúp đỡ những chiến sĩ cách mạng đang hoạt động bí mật tại Thừa Thiên Huế và các tỉnh miền Trung.

Theo Đường thiên sen nở thì: “Phong trào Phật giáo làm bình phong cho phong trào cách mạng” [4,85], “Năm 1942, phong trào đã chín muồi nên các nhà cách mạng đi đâu về đâu đều yên ổn, được sự bảo đảm của nhân dân yêu nước” [4,87], “Các chùa là nơi ẩn trú của các nhà cách mạng” [4,93]... Chính nhờ những nỗ lực của Sư Bà và các cộng sự - Phật tử yêu nước mà phong trào cách mạng, hoạt động Phật giáo ở miền Trung có sự gắn kết chặt chẽ, ngày càng phát triển mạnh.

Năm 1963, làn sóng đấu tranh mạnh mẽ, phản đối chính quyền bù nhìn Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai của học sinh, sinh viên, của Phật tử Thừa Thiên Huế bùng nổ dữ dội và nhanh chóng lan rộng khắp các đô thị miền Nam, được đông đảo tầng lớp trí thức, giới văn nghệ sĩ và học sinh, sinh viên nhiệt tình hưởng ứng. Cả miền Nam lúc bấy giờ đã có những đêm không ngủ, những đêm xuống đường “Hát cho dân tôi nghe”, những đêm xuống đường kêu gọi đồng bào “Dậy mà đi” đầy phấn khích, quật cường. Có lẽ, những tháng ngày ấy, bằng tài năng, bằng *trái tim Danko* và bằng cả máu, những chàng trai của lứa tuổi đôi mươi đã làm nên lịch sử bằng chính cuộc đời của mình: “Ngô Kha - cùng với lớp bạn bè một thời của anh - vừa cất bước theo nhịp đi không thể cưỡng lại của lịch sử, lại đồng thời tự tạo ra một thí dụ độc đáo.

Từ những tìm tòi, kết luận ở bình diện triết học - được khúc xạ lại qua ngôn ngữ thi ca hay những ngôn ngữ khác - nơi có bao nỗi niềm xao xuyến quần quai không nguôi, những chàng Narcisse mang quốc tịch Việt Nam của hậu bán thế kỷ XX, đang say mê cấu xé tinh thần mình, lại tìm ra lẽ đẹp, lẽ thiện và soi thấy bộ mặt biến dạng, đầy những vết thương của thế hệ mình trên số phận bi tráng của cả một dân tộc” (Nguyễn Thanh Vân. *Ngô Kha đường bay vô lường của số phận*) [7,270]. Và cũng không phải ngẫu nhiên mà trong bài viết *Căn nhà của những gã lang thang*, Hoàng Phủ Ngọc Tường lại định danh chân dung bạn bè: “Chúng tôi lớn lên bằng tuổi chiến tranh; và đó là nền tảng hội họa sơn dầu của Đinh Cường, của nhạc phản chiến Trịnh Công Sơn; và của tuổi trẻ bi thảm của chúng tôi đang loanh quanh ở thành phố này... Giống như những người thợ thủy tinh, chúng tôi thở hơi thở của mình vào chất nhựa chai của tư duy, để làm hình

thành ở đó một thế giới lấp lánh muôn màu dưới ánh sáng nghệ thuật, một thế giới từ không thành có, từ khoảnh khắc thành vĩnh cửu” [7, 226, 228].

Trước tình hình chính sự căng thẳng đó, kẻ thù điên cuồng trấn áp, giam giữ và bắn giết, thủ tiêu hàng loạt những chiến sĩ, những phật tử yêu nước: “Tiếp đó đến cuộc đổ máu tại Đài phát thanh. Anh chị em sinh viên bị bắt bớ, giam tù. Cuộc vận động “5 nguyện vọng Phật giáo” bùng nổ” [4,97]. Quyết không khoan nhượng với kẻ thù, Sư Bà tiếp tục khơi gợi ngọn lửa đấu tranh bằng hành động vào Sài gòn để vị pháp vong thân nhưng không được Hòa thượng Thích Quảng Đức đồng ý: “Để Thầy thực hiện trước, khỏi nhục thể cho tăng già, chư tăng đã định con phải sống để phụng sự Đạo. Con nên rõ năm phút tự thiêu tuy khó mà dễ, còn duy trì Phật giáo tương lai, ngàn năm mới là khó làm. Con nên ráng sống cho Đạo, còn Thầy năm nay đã 72 tuổi rồi, hy sinh là phải hơn” [4,99]. Theo Sư Bà cuộc tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức “làm chấn động cả thế giới” và để lại muôn vàn thương tiếc cho phật tử trên cả nước:

Thầy ơi! Con biết tính sao đây?

Lẽ kính, lòng đau trước Thánh thầy.

Lửa dậy lưng trời, thân chẳng động,

Dầu loang khắp đất, ý không lay.

Tiêu diêu cõi Tịnh, thầy theo Phật,

Lặn độn trần lao, con nhớ thầy.

Ngọn đuốc Đông phương đà rực sáng,

Bao người con Phật dõi theo Thầy.

*(Khóc **ngài Quảng Đức**)*

Noi gương Thầy, dầu không vị pháp vong thân thì Sư Bà vẫn tiếp tục hành trình “tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” đem ánh sáng, tình thương của Phật pháp gieo trồng khắp các nẻo đường miền Nam, vẫn tiếp tục đồng hành cùng với các phong trào đấu tranh cách mạng, cùng kề vai sát cánh với những chiến sĩ - Phật tử yêu nước cho đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước: “Hơn một trăm năm mới thấy đây/Lên đường độc lập kể từ đây” (*Việt Nam độc lập*). Và cũng với tinh thần yêu nước hoà quyện trong tinh thần Phật pháp ấy, sau ngày non sông thu về một mối, Sư Bà lại cùng Phật tử trên cả nước tiếp tục chung tay xây dựng đất nước, tiếp tục khơi nguồn trí tuệ đại từ đại bi, đem an yên đến mọi nhà cho đến những năm cuối đời.



Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không (ảnh: Internet).

Dễ dàng nhận thấy, có sự khác biệt trên hành trình sáng tác thơ ca của Sư Bà Diệu Không. Ở giai đoạn đầu, thơ của Sư Bà thường đắm chìm vào những suy tư, những cung bậc cảm xúc của thế sự, nhân sinh và của cả chính bản thân. Dẫu không “Giật mình mình lại thương mình xót xa” (Nguyễn Du. *Truyện Kiều*) thì những bài thơ ấy vẫn gợi lên cho người đọc cảm giác xao xuyến, bàng khuâng bàng bạc. Ở giai đoạn sau, khi cố gắng đưa Phật giáo vào đời sống thế tục thông qua những hoạt động ý nghĩa, thiết thực thì thơ của Sư Bà lại chất chứa đầy những nội dung của tư tưởng Phật giáo. Với mục đích cốt nghĩa, truyền bá, giáo dục, uốn nắn theo con đường tu tập cho đại đa số quần chúng; vì thế, ở bất cứ chủ đề, đề tài nào, Sư Bà cũng cố gắng truyền đạt bằng những ngôn từ mộc mạc, giản dị nhưng không kém phần trong sáng, dễ hiểu. Hay có thể nói cách khác, thông qua lớp ngôn từ ấy, những nội dung về vô ngã, vô thường, duyên, tứ diệu đế... đều được khai thị: “Từ xưa nay một thể vẫn đồng/ Muôn pháp ấy là trong một pháp/Vạn vật CÓ vì nhân duyên hoà hợp/Tính tình KHÔNG bởi đối đãi mà nên” (*Khuyên người học đạo*), “Có có không không gây lăm khổ/Sinh sinh diệt diệt tạo thêm sầu/Cảnh đời mộng huyễn ai đà rõ/Cuộc thế vô thường tợ bóng câu” (*Cuộc đời*), “Tâm đây vạn pháp thấy dung thông/Bản tánh như như một thể đồng/ Sông, núi, người, trời đều chẳng khác/Hòa đồng vạn vật ấy tâm công” (*Khuyên chị em học Phật*)... Cùng trên trường ngữ nghĩa ấy là hàng loạt các bài thơ “Khuyến tu”, “Mừng Phật học trường”, “Khuyên người hướng Phật”, “Bài ca đạo Phật”, “Trả lời một Phật tử”, “Khuyên tu niệm”, “Rèn luyện tâm tánh”... Với tâm niệm “lai vô ảnh, khứ vô

hình”, Sư Bà đã sống trọn cuộc đời đầy khiêm nhường cho đạo, cho hiện tại một cách thiết thực chứ không cầu vọng về tương lai:

*Đói ăn khát uống mệt nằm queo,
Chẳng chuộng giàu sang chẳng sợ nghèo,
Hôm sớm thời trung thường tự tại,
Tuỳ duyên giáo hoá tánh trong veo.*
(Tự thuật)

Theo chúng tôi, bài thơ đã nêu lên quan niệm *thiền hành* một cách giản đơn: đòi thì ăn, khát thì uống, mệt thì nghỉ ngơi... không vọng chấp, bám víu vào những sự vật, hiện tượng. Và đây cũng là con đường lạc đạo mà các thiền sư trong quá khứ đã từng kinh qua. Bài thơ phảng phất ý vị *Phóng cuồng ngâm* của Tuệ Trung thượng sĩ: “Cơ tắc xan hề hoà la phạn/Khốn tắc miên hề hà hữu hương/Hứng thời xuy hề vô khổng địch/ Tĩnh xứ phần hề giải thoát hương/ Quyện tiểu kế hề hoan hỷ địa/ Khát bão xuyết hề tiêu dao thang” (Đói thì ăn cơm hoà la/Mệt thì ngủ làng “không có làng”/Khi hứng thì thổi sáo không lỗ/Nơi yên tĩnh thì thấp hương giải thoát/Mệt thì nghỉ tạm ở đất hoan hỷ/ Khát thì uống no thang tiêu dao) [1, 278,279], *Cư trần lạc đạo* của Trần Nhân Tông: “Cư trần lạc đạo thả tuỳ duyên/ Cơ tắc xan hề khốn tắc miên/ Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch/ Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” (*Sống giữa phàm trần, hãy tuỳ duyên mà vui với đạo/ Đói thì ăn, mệt thì ngủ/ Trong nhà sẵn của báu đừng tìm đâu khác/ Đối diện với cảnh mà vô tâm, thì không cần hỏi Thiền nữa*) [1,510] Và cũng chính điều này, giúp người đọc hiểu được vì sao trong số ít những bài thơ dịch, Sư Bà lại chọn dịch *Thị đệ tử* của thiền sư Vạn Hạnh và *Cư trần lạc đạo* của vua Trần Nhân Tông.

3. Kết luận

Tóm lại, *Diệu Không thi tập* là những khắc hoạ chân dung tâm hồn của Sư Bà từ khi còn là “Yếu diệu thực nữ” cho đến khi trở thành nhà hoạt động xã hội, hoạt động Phật pháp nổi tiếng, có nhiều đóng góp lớn lao cho các phong trào cách mạng, cho Phật giáo Thừa Thiên Huế và toàn miền Nam trước năm 1975.

Cả cuộc đời của Sư Bà gắn liền với thế kỷ XX - thế kỷ đầy những biến thiên thăng trầm, dâu bể nhưng cũng đầy tự hào, bất khuất của dân tộc qua các giai đoạn lịch sử. Chính sự song hành này mà qua hồi ký, qua thơ văn của Sư Bà, người đời sau vẫn nghe vọng “Tiếng ngày xưa và cả tiếng mai sau” (Tố Hữu. *Sáng tháng Năm*) của lời non nước.

Không đồ sộ về số lượng, không đa dạng, phong phú về thể tài, nội dung, *Diệu Không thi tập* chỉ là những bộc bạch, tâm sự, những yêu thương của một con người “Ái đạo dư hương” (chữ dùng của hoà thượng Thích Trí Quang) lấy hạnh phúc của chúng sinh làm an lạc của đời mình. Và, vượt lên trên những định luật bằng hoại của đời sống, hương thơm ấy vẫn toả ngát trên những nẻo đường Phật pháp của người dân yêu nước Việt Nam.

Tác giả: **TS.Hà Ngọc Hòa - CN.Nguyễn Thị Thu Hiền**

Tham luận tại Hội thảo khoa học "Đạo Phật Với Cách Mạng Việt Nam" tổ chức ngày 25/08/2025, tại chùa Quán Sứ, Hà Nội

Chú thích:

1) Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Tài liệu tham khảo:

1] Nguyễn Huệ Chi (Chủ biên), *Thơ văn Lý - Trần* (tập 2), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội

2] Trần Đình Hượu, Lê Chí Dũng (1988), *Văn học Việt Nam giai đoạn giao thời 1900 - 1930*, Nxb. Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.

3] TKN. Diệu Đạt (2017) “Hành trạng Ni trưởng Thích Nữ Diệu Không”, *Tạp chí Hoa Đàm*, số 43, trang 16 - 17.

4] Lê Ngân, Hồ Đắc Hoài (biên soạn) (2009), *Đường thiền sen nở* (Hồi ký), Nxb. Lao Động, Hà Nội.

5] Thích Nữ Diệu Không (2007), *Diệu Không thi tập*, Nxb. Thuận Hoá, Huế.

6] Nguyễn Đức Mậu (Sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu) (2018), *Tuyển tập Hát nói*, Nxb. Đại học Vinh, Nghệ An.

7] Bửu Nam, Phạm Thị Anh Nga (Chủ biên) (2013), *Ngô Kha - hành trình thơ, hành trình dẫn thân và ngôi nhà vĩnh cửu*, Nxb. Hội Nhà Văn, Hà Nội.

8] Nhiều tác giả (1997), *Diệu Không hành trạng*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

9] Nhiều tác giả (2017), *Ái đạo dư hương*, Nxb. Thuận Hoá, Huế.

10] Chương Thâu (Sưu tầm và biên soạn) (1990), *Phan Bội Châu toàn tập* (tập 5), Nxb. Thuận Hoá, Huế.